



# DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLOG  
ngày tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng  
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng kỹ thuật - hiệu chuẩn  
*Laboratory:* *Technical and Calibration Department*

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Công nghệ cao GERA Việt Nam  
*Organization:* *GERA Vietnam Hi-Technology Company Limited*

Số hiệu/ Code: VILAS 1583

Chuẩn mực công nhận  
*Accreditation criteria* ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Đo lường – Hiệu chuẩn  
*Field:* *Measurement – Calibration*

Người quản lý/  
*Laboratory manager:* Phan Đức Hiền  
*Phan Duc Hien*

Hiệu lực công nhận  
*Period of Validation:* Kể từ ngày /07/2025 đến ngày /07/2030

Địa chỉ/ Address: Số nhà CX2-06, Đường Cọ Xanh 2, Khu đô thị Vinhomes Ocean Park 2, Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
*No. CX2-06, Co Xanh 2 Street, Vinhomes Oceam Park 2 Urban Area, Nghia Tru Commune, Hung Yen Province, Vietnam*

Địa điểm/Location: Số nhà CX2-06, Đường Cọ Xanh 2, Khu đô thị Vinhomes Ocean Park 2, Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
*No. CX2-06, Co Xanh 2 Street, Vinhomes Oceam Park 2 Urban Area, Nghia Tru Commune, Hung Yen Province, Vietnam*

Điện thoại/ Tel: 0867 730 168

Email: gerahitech@gerahitech.vn

Website: https://gerahitech.vn

**DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED CALIBRATION***VILAS 1583****Lĩnh vực hiệu chuẩn: Độ dài***Field of calibration: Length*

| TT | Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn<br><i>Measurand/<br/>equipment calibrated</i> | Phạm vi đo<br><i>Range of measurement</i> | Quy trình hiệu chuẩn<br><i>Calibration Procedure</i> | Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) <sup>1</sup> /<br><i>Calibration and<br/>Measurement<br/>Capability (CMC)<sup>1</sup></i> |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | <b>Máy đo ba tọa độ<sup>(x)</sup></b><br><b><i>Coordinate Measuring Machine</i></b>                | Đến/ To: 600 mm                           | GERA CALIB<br>001 : 2025                             | (1,3 + 2 x L) μm<br>[L]: m                                                                                                |

**Lĩnh vực hiệu chuẩn: Hóa lý***Field of calibration: Physico – Chemical*

| TT | Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn<br><i>Measurand/<br/>equipment calibrated</i> | Phạm vi đo<br><i>Range of measurement</i>                         | Quy trình hiệu chuẩn<br><i>Calibration Procedure</i> | Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) <sup>1</sup> /<br><i>Calibration and<br/>Measurement<br/>Capability (CMC)<sup>1</sup></i> |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | <b>Máy đếm hạt (tiểu phân) trong không khí</b><br><b><i>Airborne Particle Counter</i></b>          | Kích thước hạt/<br><i>Particle size:</i><br>(0,3 ~ 10) μm         | GERA CALIB<br>002 : 2025                             | 6 %t.đ                                                                                                                    |
|    |                                                                                                    | Hiệu suất đếm/<br><i>Counting efficiency:</i><br>Từ/ from: 0,3 μm |                                                      | 4 %t.đ                                                                                                                    |

**Chú thích/ Note:**

- GERA CALIB.: Quy trình hiệu chuẩn do PTN ban hành/ *Laboratory's developed procedures*

- %t.đ: phần trăm tương đối/ *relative percentage*;

- (x): Phép HC có thực hiện tại hiện trường/ *Calibration on-site*;

<sup>(1)</sup> Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits.*

- Trường hợp Công ty TNHH Công nghệ cao GERA Việt Nam cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty TNHH Công nghệ cao GERA Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for GERA Vietnam Hi-Technology Company Limited that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*